TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HÀ TỈNH QUẢNG NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2023/HS-ST
Ngày: 01/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HÀ
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà **Vương Thị Thanh**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Nguyễn Bích Thuỷ** và Bà **Nguyễn Kim Liên**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Trung Hiếu**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hà

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Phượng**, kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2023/TLST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 02/2023/HSST-QĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023 đối với:

1. Bị cáo:

- Phạm Minh C; tên gọi khác: không; sinh ngày 05/3/2004 tại huyện H, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: thôn A, xã M, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 11/12; con ông: Phạm Hùng T và bà Lưu Thị O; vợ, con: chưa có; tiền án: 01 tiền án, ngày 14/4/2022 bị Tòa án nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Gây rối trật tự công cộng"; tiền sự: không.

Bị cáo bị giữ khẩn cấp ngày 07/4/2023, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hải Hà, có mặt.

- Hoàng Anh T; tên gọi khác: không; sinh ngày 06/3/2004 tại huyện H, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: thôn B, xã M, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 11/12; con ông: Hoàng Văn B và bà Nguyễn Thị L; vợ, con: chưa có; tiền án: 01 tiền án, ngày 14/4/2022 bị Tòa án nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Gây rối trật tự công cộng"; tiền sự: không.

Bị cáo bị giữ khẩn cấp ngày 07/4/2023, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hải Hà, có mặt.

- Chu Bá C1; tên gọi khác: không; sinh ngày 21/10/1992 tại thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu H, phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở hiện nay: khu G, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng

Ninh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 09/12; con ông: Chu Văn T (đã chết) và bà Hoàng Thị N; vợ: Hoàng Thị T, con: có 03 con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đầu thú ngày 06/4/2023, hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh, có mặt.

2. Bị hại: Chu Bá C1, sinh năm 1992.

Địa chỉ: khu G, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Trần Văn C2, sinh ngày 15/10/1992; địa chỉ: khu L, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

- Nghiêm Thị T2, sinh ngày 17/02/2000; địa chỉ: thôn G, xã P, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Trần Văn L, sinh ngày 30/8/1998; địa chỉ: thôn 5, xã L, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

- Đỗ Duy L1, sinh ngày 01/4/1996; địa chỉ: thôn 6, xã L, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

- Nguyễn Văn M, sinh ngày 03/4/1987; địa chỉ: thôn A, xã P, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

- Nguyễn Xuân V, sinh ngày 07/12/1989; địa chỉ: khu H, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

- Nguyễn Văn H, sinh ngày 06/8/2001; địa chỉ: khu H, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

- Phạm Văn T3, sinh ngày 27/6/2000; địa chỉ: khu Đ, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

- Hoàng Văn T4, sinh ngày 12/02/2004; địa chỉ: thôn A, xã L, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Lê Văn D, sinh ngày 17/6/2002; địa chỉ: thôn B, xã C, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

- Phạm Quốc Đ, sinh ngày 18/3/1996; địa chỉ: khu L, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

- Hoàng Văn M, sinh ngày 09/7/1996; địa chỉ: thôn 5, xã P, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

- Vũ Văn L, sinh ngày 11/11/1994; địa chỉ: khu S, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

- Hoàng Hồng D1, sinh ngày 10/02/1993; địa chỉ: thôn A, xã P, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

- Bùi Quốc Đ, sinh ngày 10/5/1998; địa chỉ: thôn A, xã P, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

- Vũ Thị N, sinh ngày 14/8/1996; địa chỉ: thôn H, xã Quảng Thành, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

- Đặng Văn K, sinh ngày 28/8/1987; địa chỉ: khu G, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

- Lưu Thị O, sinh năm 1985; địa chỉ: thôn A, xã M, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

2. Người làm chứng: chị Tô Thuỳ L; sinh năm 2004;
Địa chỉ: thôn A, xã M, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2022, Phạm Minh C được gia đình mua 01 xe môtô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát (BKS) 14L1 - 193.27, giấy đăng ký xe mang tên C nhưng do chị Lưu Thị O (mẹ của C) giữ. Do thiếu tiền tiêu sài nên C nảy sinh ý định sẽ làm giả giấy tờ xe dùng để đi lừa đảo (bằng hình thức cầm cố) chiếm đoạt tiền của người khác. Ngày 25/9/2022, C sử dụng điện thoại lên mạng xã hội Facebook tìm người làm giấy tờ xe giả thì có một tài khoản (không xác định được là tài khoản nào) liên hệ và cho số điện thoại để hai người tiếp tục liên hệ qua Zalo. Sau đó người này báo giá cho C là làm giấy đăng ký xe giả mất phí 1.000.000 đồng, C đồng ý và cung cấp thông tin để phục vụ việc làm giả. C yêu cầu làm giấy tờ mang tên Nguyễn Văn Đại, sinh năm 2002, địa chỉ tại thôn 7, xã L, huyện H, tỉnh Quảng Ninh nhằm mục đích không cho người cầm cố biết thông tin thật của mình, còn số khung, số máy, biển số và các thông tin khác C lấy từ ảnh chụp giấy đăng ký gốc gửi cho người làm giả. Đến ngày 28/9/2022, C nhận được 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả số 140028552 (ký hiệu A02) qua chuyển phát nhanh. Do biết Chu Bá C1 có nhận cầm cố xe nên ngày 30/9/2022, C điều khiển chiếc xe nói trên mang theo giấy đăng ký giả đến phòng trọ của C1 tại khu Đại Điền Nam, thị trấn Quảng Hà, huyện Hải Hà đặt vấn đề muốn cầm cố lấy 10.000.000 đồng. Thấy giấy tờ xe phù hợp với biển số xe nên C1 tin tưởng và đồng ý cho Chiến vay tiền, nếu để lại xe thì lấy lãi 5.000đ/01 triệu/01 ngày còn nếu chỉ để lại giấy đăng ký xe thì lấy lãi 7.000đ/01 triệu/01 ngày. Do có ý định chiếm đoạt tiền nên Chiến chọn phương thức để lại giấy đăng ký xe, đồng thời để C1 tin tưởng, Chiến đồng ý trừ tiền lãi tháng đầu tiên là 2.100.000 đồng. Như vậy, Chiến đã nhận được 7.900.000 đồng rồi ăn tiêu hết, không trả cho C1.

Khoảng đầu tháng 02/2023, Hoàng Anh T (là bạn của C) không có xe mô tô nhưng thấy bạn gái là Tô Thùy L sở hữu chiếc xe môtô nhãn hiệu Honda Vision, BKS 14L1 - 211.00 nên T nảy sinh ý định làm giấy đăng ký xe giả và biển số giả để đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Sau đó, Tuấn nhờ Chiến tìm người làm giả 01 giấy đăng ký xe và 01 biển số xe để phù hợp với đăng ký giả. C tiếp tục liên hệ với người làm giả giấy tờ trước đó thì được báo giá giấy đăng ký giả có giá 1.500.000 đồng và biển số giả có giá 400.000 đồng. Chiến báo lại cho

Tuấn. Tuấn đồng ý rồi yêu cầu làm giấy đăng ký xe mang tên Hoàng Anh Tuấn, sinh năm 2004, địa chỉ ở thôn 5, xã M, huyện H, tỉnh Quảng Ninh (khác với thôn cư trú của T), biển số đăng ký là 14L1 - 211.27 (do Tuấn tự nghĩ ra) còn số khung, số máy thì người làm giả tự chọn. Sau đó C đã gửi số điện thoại và địa chỉ của T để Tuấn tự nhận hàng. Khoảng 05 ngày sau, T nhận được 01 giấy chứng nhận đăng ký xe môtô số 14023097 (ký hiệu A01) và 01 biển số có thông tin như T cung cấp qua đường chuyển phát nhanh. Ngày 09/02/2023, T mượn chiếc xemôtô Honda Vision của chị Linh (không nói mục đích mang xe đến chỗ cầm cố) rồi lắp biển số giả,mang theo giấy đăng ký giả đến gặp Chu Bá C1. Thấy xe có giấy tờ phù hợp với biển số xe nên C1 tin tưởng, đồng ý cầm cố giấy tờ xe và cho Tuấn vay 15.000.000 đồng, lãi suất 7.000đ/01 triệu/01 ngày, tiền lãi tính đến khi chuộc giấy tờ xe ra. Sau đó C1 chỉ giữ lại giấy đăng ký còn Tuấn điều khiển xe về, tháo biển số đưa cho C vất đi (Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được), rồi lắp biển số thật và trả lại xe cho chị Linh. Số tiền 15.000.000 đồng chiếm đoạt được Tuấn ăn tiêu hết, không trả cho C1.

Ngày 06/4/2023, Chu Bá C1 đến Công an huyện Hải Hà trình báo việc Tuấn vay tiền của C1 nhưng không trả. Quá trình làm việc, Chu Bá C1 đã đầu thú về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Cụ thể như sau: trong khoảng thời gian từ tháng 6/2022 đến tháng 02/2023, tại khu Ghềnh Võ, thị trấn Quảng Hà, huyện Hải Hà, C1 đã cho tổng cộng 17 người vay tiền với mức lãi suất từ 3.000đ đến 7.000đ/1.000.000đ/ngày (tương đương với từ 109,5% đến 255,5%/năm), vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong bộ luật dân sự (20%) từ 5,475 lần – 12,775 lần, thu lợi bất chính tổng số tiền là 113.459.658 đồng. Cụ thể như sau:

1. Từ ngày 10/6/2022 đến 29/10/2022, Chu Bá C1 cho Trần Văn C2 (sinh năm 1992, trú tại khu L, thị trấn Q, huyện H)vay tiền nhiều lần, có nhận cầm cố chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu HOWO, BKS 14H - 024.35. Do thời gian vay lâu và vay thành nhiều lần nên ngày 29/10/2022, cả hai thống nhất tổng số tiền vay là 270.000.000 đồng, lãi 4.000đ/01 triệu/01 ngày và chỉ lấy lãi trong vòng 30 ngày, như vậy Trần Văn Công phải trả Chu Bá C1 270.000.000 đồng tiền gốc và 32.400.000 đồng tiền lãi (Số tiền C1 thu lợi bất chính là 27.961.644 đồng), Trần Văn Công đã trả đủ cho Chu Bá C1.

2. Ngày 28/6/2022, C1 cho Nghiêm Thị T2 (sinh năm 2000, trú tại thôn G, xã P, huyện H) vay số tiền 20.000.000 đồng với mức lãi suất 4.300đ/01 triệu/01 ngày (mỗi ngày 86.000 đồng tiền lãi), Thảo viết giấy bán xe và để lại 01 giấy đăng ký xe máy BKS 14K1 - 194.47. Tính đến ngày 06/4/2023 Thảo phải trả C1 là 24.424.000 đồng tiền lãi (Số tiền C1 thu lợi bất chính là 21.311.671 đồng). Thảo đã trả tiền lãi cho C1 07 tháng = 210 ngày với số tiền 18.060.000 đồng, còn lại từ tháng 02/2023 đến ngày 06/4/2023 (74 ngày) chưa đóng lãi tương ứng với 6.364.000 đồng.

3. Ngày 26/7/2022, C1 cho Trần Văn L (sinh năm 1998, trú tại thôn 5, xã L, huyện H) vay số tiền 6.000.000 đồng với mức lãi suất 5.000đ/01 triệu/01 ngày

(mỗi ngày 30.000 đồng tiền lãi), có để lại giấy đăng ký xe máy và viết giấy bán xe để hợp thức hóa. Sau 30 ngày, Long thanh toán cho C1 6.000.000 tiền gốc và 900.000 đồng tiền lãi (Số tiền C1 thu lợi bất chính là 801.370 đồng), Long đã nhận lại giấy đăng ký xe.

4. Ngày 03/8/2022, C1 cho Đỗ Duy L1 (sinh năm 1996, trú tại thôn 6, xã L, huyện H) vay số tiền 5.000.000 đồng với mức lãi suất 5.000đ/01 triệu/01 ngày (mỗi ngày 25.000 đồng tiền lãi), có viết giấy nợ. Sau 30 ngày, Long đã thanh toán cho C1 5.000.000 đồng tiền gốc và lãi 750.000 đồng (Số tiền C1 thu lợi bất chính là 667.808 đồng).

5. Ngày 20/8/2022, C1 cho Vũ Văn (sinh năm 1994, trú tại khu S, thị trấn Q, huyện H) vay số tiền 30.000.000 đồng với mức lãi suất 3.000đ/01 triệu/01 ngày (mỗi ngày 90.000 đồng tiền lãi), để lại 01 giấy đăng ký xe. Sau 30 ngày Lâm đã trả cả tiền gốc là 30.000.000 và 2.700.000 đồng tiền lãi (Số tiền C1 thu lợi bất chính là 2.206.849 đồng), Lâm đã nhận lại giấy đăng ký xe.

Ngày 28/9/2022, C1 cho Lâm vay 30.000.000 đồng, lãi suất 4.000đ/01 triệu/01 ngày (mỗi ngày 120.000 đồng tiền lãi). Sau 20 ngày Lâm đã trả cả tiền gốc là 30.000.000 và tiền lãi là 2.400.000 đồng (Số tiền C1 thu lợi bất chính là 2.071.233 đồng).

6. Ngày 29/8/2022, C1 cho Nguyễn Văn M (sinh năm 1987, trú tại thôn A, xã P, huyện H) vay số tiền 100.000.000 đồng với mức lãi suất 3.000đ/01 triệu/01 ngày (mỗi ngày 300.000 đồng tiền lãi), Mạnh viết giấy bán xe ô tô BKS 14C - 081.02 để hợp thức hóa. Sau 02 tháng 04 ngày thì Mạnh trả C1 100.000.000 đồng tiền gốc, còn tiền lãi trong thời hạn trên Mạnh phải trả cho C1 là 19.200.000 đồng nhưng Mạnh xin nợ lại, chưa trả cho C1 (Số tiền C1 thu lợi bất chính là 15.693.151 đồng).

7. Ngày 08/9/2022, C1 cho Nguyễn Xuân V (sinh năm 1989, trú tại khu H, thị trấn Q, huyện H) vay số tiền 15.000.000 đồng với mức lãi suất 7.000đ/01 triệu/01 ngày (mỗi ngày 105.000 đồng tiền lãi), Vình để lại giấy đăng ký xe máy BKS 14M1 - 064.95, giấy chứng minh nhân dân của Vình và lập hợp đồng bán, thuê xe để hợp thức hóa. Sau 01 tháng 25 ngày, Vình đã trả cho C1 tiền gốc 15.000.000 đồng, còn tiền lãi 5.775.000 đồng Vình nợ lại, chưa trả cho C1 (Số tiền C1 thu lợi bất chính là 5.322.945 đồng). Hiện C1 vẫn giữ đăng ký xe máy và CMND của Vình để chờ trả tiền lãi còn nợ.

8. Ngày 15/9/2022, C1 cho Nguyễn Văn H (sinh năm 2001, trú tại khu H, thị trấn Q, huyện H) vay số tiền 15.000.000 đồng với mức lãi suất suất 7.000đ/01 triệu/01 ngày (mỗi ngày 105.000 đồng), Hiệp để lại giấy đăng ký xe máy BKS 14L1 - 125.75, Căn cước C1 dân của Hiệp và viết giấy bán xe để hợp thức hóa. Sau 30 ngày, Hiệp đã thanh toán cho C1 cả tiền gốc là 15.000.000 đồng và tiền lãi là 3.150.000 đồng (Số tiền C1 thu lợi bất chính là 2.903.425 đồng), Hiệp đã nhận lại đăng ký xe, còn căn cước công dân chưa lấy.

9. Ngày 19/9/2022, C1 cho Vũ Thị N (sinh năm 1996, trú tại thôn H, xã Quảng Thành, huyện H) vay số tiền 17.000.000 đồng với mức lãi suất 7.000đ/01

triệu/01 ngày (mỗi ngày 119.000 đồng tiền lãi), có để lại giấy đăng ký xe và lập hợp đồng mua bán để hợp thức hóa. Sau 30 ngày, Nghĩa đã thanh toán cho C1 tiền gốc là 17.000.000 đồng và tiền lãi là 3.570.000 đồng (Số tiền C1 thu lợi bất chính là 3.290.548 đồng).

10. Ngày 24/9/2022, C1 cho Đặng Văn K (sinh năm 1987, trú tại khu G, thị trấn Q, huyện H) vay số tiền 10.000.000 đồng với mức lãi suất 3.000đ/01 triệu/01 ngày (mỗi ngày 30.000 đồng tiền lãi). Sau 30 ngày, Khoa đã thanh toán cho C1 cả tiền gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi là 900.000 đồng (Số tiền C1 thu lợi bất chính là 735.616 đồng).

11. Ngày 24/9/2022, C1 cho Hoàng Hồng D1 (sinh năm 1993, trú tại thôn A, xã L, huyện H) vay số tiền 15.000.000 đồng với mức lãi suất 6.000đ/01 triệu/01 ngày (mỗi ngày 90.000 đồng tiền lãi), để lại giấy đăng ký xe máy BKS 14L1 - 156.08. Sau 55 ngày vay, Dương đã thanh toán cho C1 cả gốc là 15.000.000 đồng và 4.950.000 đồng (Số tiền C1 thu lợi bất chính là 4.497.945 đồng), Dương đã nhận lại giấy đăng ký xe.

12. Ngày 26/9/2022, C1 cho Phạm Văn T3 (sinh năm 2000, nhà ở khu Đ, thị trấn Q, huyện H) vay số tiền 4.000.000 đồng với mức lãi suất 4.000đ/01 triệu/01 ngày (mỗi ngày 16.000 đồng tiền lãi), có để lại giấy đăng ký xe máy BKS 14L1 - 177.58 và lập hợp đồng bán, thuê xe để hợp thức hóa, tiền lãi tính đến ngày Toàn trả đủ tiền và nhận lại giấy tờ xe. Từ đó đến nay Toàn chưa trả tiền gốc là 4.000.000 đồng và lãi 191 ngày = 3.056.000 đồng cho C1 (Số tiền C1 thu lợi bất chính là 2.637.370 đồng) .

13. Ngày 14/10/2022, C1 cho Hoàng Văn T4 (sinh năm 2004, trú tại thôn A, xã L, huyện H) vay số tiền 6.000.000 đồng với mức lãi suất suất 5.000đ/01 triệu/01 ngày (mỗi ngày 30.000 đồng tiền lãi), để lại giấy đăng ký xe máy BKS 14L1 - 162.58 và viết giấy bán xe để hợp thức hóa, thời hạn tính lãi đến khi Trung chuộc giấy đăng ký xe ra. Tính đến ngày 06/4/2023, số tiền lãi Trung phải trả là 5.250.000 đồng (Số tiền C1 thu lợi bất chính là 4.674.658 đồng). Trung đã trả cho C1 được 03 tháng tiền lãi là 2.700.000 đồng, còn nợ 6.000.000 đồng tiền gốc và 85 ngày tiền lãi = 2.550.000 đồng,

14. Ngày 29/10/2022, C1 cho Lê Văn D (sinh năm 2002, trú tại thôn B, xã C, huyện H) vay số tiền 9.000.000 đồng với mức lãi suất suất 7.000đ/01 triệu/01 ngày (mỗi ngày 63.000 đồng tiền lãi), để lại giấy đăng ký xe máy BKS 14L1 - 195.29 và viết giấy bán xe để hợp thức hóa, thời hạn tính lãi đến khi Dũng chuộc giấy đăng ký xe ra. Tính đến ngày 06/4/2023, số tiền lãi Dũng phải trả là 10.080.000 đồng (Số tiền C1 thu lợi bất chính là 9.290.959 đồng). Dũng đã trả cho C1 được 03 tháng tiền lãi là 5.670.000 đồng, nợ C1 70 ngày tiền lãi = 4.410.000 đồng và toàn bộ tiền gốc là 9.000.000 đồng.

15. Ngày 31/10/2022, C1 cho Bùi Quốc Đ (sinh năm 1998, trú tại thôn A, xã L, huyện H) vay số tiền 10.000.000 đồng với mức lãi suất 4.000đ/01 triệu/01 ngày (mỗi ngày 40.000 đồng tiền lãi), để lại đăng ký xe máy và lập hợp đồng bán, thuê xe để hợp thức hóa. Sau 30 ngày, Đại đã thanh toán cho C1 cả tiền gốc là

10.000.000 đồng và tiền lãi là 1.200.000 đồng(Số tiền C1 thu lợi bất chính là 1.035.616 đồng), Đại đã nhận lại các giấy tờ.

16. C1 cho Phạm Quốc Đ (sinh năm 1996, trú tại khu L, thị trấn Q, huyện H) vay 02 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng đều với mức lãi suất 5.000đ/01 triệu/01 ngày, để lại CCCD của Đạt và 01 giấy đăng ký xe BKS 14X1 - 182.33. Cụ thể như sau:

+ Ngày 03/11/2022, Đạt vay 5.000.000 đồng (mỗi ngày 25.000 đồng tiền lãi). Tính đến ngày 06/4/2023, số tiền lãi Đạt phải trả là 3.875.000 đồng (Số tiền C1 thu lợi bất chính là 3.450.342 đồng). Đạt đã trả 02 tháng tiền lãi là 1.500.000 đồng, còn nợ C1 95 ngày lãi = 2.375.000 đồng.

+ Ngày 19/11/2022, Đạt vay 5.000.000 đồng (mỗi ngày 25.000 đồng tiền lãi). Tính đến ngày 06/4/2023, số tiền lãi Đạt phải trả là 3.475.000 đồng (Số tiền C1 thu lợi bất chính là 3.094.178 đồng). Đạt đã trả 01 tháng tiền lãi là 750.000 đồng, còn nợ C1 109 ngày lãi = 2.725.000 đồng và toàn bộ tiền gốc của 02 lần vay là 10.000.000 đồng.

17. Ngày 04/02/2023, C1 cho Hoàng Văn M (sinh năm 1996, trú tại thôn 5, xã P, huyện H) vay số tiền 35.000.000 đồng với mức lãi suất 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày (mỗi ngày 140.000 đồng tiền lãi), để lại giấy đăng ký xe Honda SH BKS 14L1 - 210.88. Sau 15 ngày, Minh đã thanh toán đủ cả tiền gốc là 35.000.000 đồng và tiền lãi là 2.100.000 đồng (Số tiền C1 thu lợi bất chính là 1.812.329 đồng).

Tại bản kết luận giám định số 444/KL-KTHS ngày 14/4/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: 02 (hai) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy gửi giám định ký hiệu A01, A02 là Giấy chứng nhận giả.

Quá trình điều tra, Phạm Minh Chiến, Hoàng Anh Tuấn, Chu Bá C1 khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên *(bút lục số 144, 169, 200, 206).*

Tại phiên tòa, Phạm Minh C và Hoàng Anh T khai nhận hành vi phạm tội của mình cơ bản phù hợp với nội dung cáo trạng truy tố đối với hai bị cáo. Bị cáo C khai sau khi thuê người làm giả 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và mang đi cầm cố lừa được số tiền 7.900.000 đồng của anh C1 vào tháng 9/2022 thì khi được T là bạn bị cáo nhờ, bị cáo tiếp tục thuê người làm giả 01 giấy đăng ký xe cho T vào tháng 02/2023, sau đó T cũng dùng đăng ký giả đó cầm cố và lừa đảo số tiền 15.000.000 đồng của anh C1. Tuy nhiên, quá trình thực hiện tội phạm, T không nói cho C biết mục đích làm giả giấy đăng ký xe để đi lừa đảo. Tại phiên tòa, Phạm Minh C và Hoàng Anh T đều nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo không tranh luận gì với quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát, đồng thời có lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Chu Bá C1 là người nhận cầm cố xe của bị cáo C và T, quá trình tố giác hành vi phạm tội của C và T thì C1 cũng đầu thú về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của mình. Cụ thể C1 kinh doanh dịch vụ cầm đồ và cho vay lãi nặng, từ tháng 6/2022 đến tháng 02/2023, với số vốn 457.200.000 đồng, bị cáo đã cho nhiều người vay xoay vòng với tổng số tiền cho vay là 607.000.000

đồng với mức lãi suất cao gấp nhiều lần lãi suất quy định của pháp luật, thu lợi bất chính hơn 113 triệu đồng. Toàn bộ số tiền gốc và lãi thu được từ việc cho vay bị cáo đã sử dụng để kinh doanh nhưng bị thua lỗ và chi tiêu cá nhân hết; bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát và thừa nhận việc truy tố đối với bị cáo về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không bị oan. Nói lời sau cùng, bị cáo ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong vụ án này, bị cáo Chu Bá C1 đồng thời cũng là bị hại trong hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Phạm Minh C và Hoàng Anh T, giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, C1 không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền đã chiếm đoạt của Công, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo C và T.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Văn C2, Nghiêm Thị T2, Trần Văn L, Đỗ Duy L1, Vũ Văn , Nguyễn Văn M, Nguyễn Xuân V, Nguyễn Văn H, Vũ Thị N, Đặng Văn K, Hoàng Hồng D1, Phạm Văn T3, Hoàng Văn T4, Lê Văn D, Bùi Quốc Đ, Phạm Quốc Đ, Hoàng Văn M vắng mặt tại phiên toà, có lời khai tại Cơ quan điều tra xác định việc vay tiền của Chu Bá C1 trùng hợp với thời điểm mà bị cáo C1 khai báo, trong đó, có người đã trả lãi đầy đủ theo thoả thuận với C1, có người chưa trả hoặc trả chưa đủ tiền. Quá trình điều tra, toàn bộ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nêu trên không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền lãi vượt quá mức lãi suất quy định mà bị cáo C1 đã thu lợi bất chính.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lưu Thị O có mặt tại phiên toà cho biết chị là mẹ đẻ của bị cáo Phạm Minh C. Đầu năm 2022, gia đình chị mua 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 14L1-193.27, giấy đăng ký xe mang tên của C nhưng tiền mua xe là của chị và xe để phục vụ cho cả gia đình đi lại. Việc C sử dụng các thông tin của xe mô tô nói trên làm giấy đăng ký xe giả nhằm mục đích lừa đảo gia đình không hề biết. Nay chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho chị chiếc xe trên để làm phương tiện đi lại cho gia đình.

Người làm chứng Tô Thuỳ L vắng mặt tại phiên toà có lời khai tại Cơ quan điều tra cho biết chị với Hoàng Anh T là bạn bè, chị đã nhiều lần cho T mượn xe máy Honda Vision BKS 14L1-211.00 để đi lại. Việc T mượn xe của chị làm giấy đăng ký giả để mang đi cầm cố chị hoàn toàn không biết và không được hưởng lợi gì về việc đó.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hải Hà đã tiến hành thu giữ vật chứng, kết quả phù hợp với lời khai của các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng về thời gian, địa điểm, diễn biến hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tại cáo trạng số 16/CT-VKSHH ngày 15/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà đã truy tố Phạm Minh C về tội: "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 341 và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ

luật Hình sự; Hoàng Anh T về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự; Chu Bá Công về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Điểm b, c, d khoản 2 Điều 341; khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56; điểm a, b khoản 1 Điều 55; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt: Phạm Minh C từ 27 đến 30 tháng tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", từ 06 đến 09 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tổng hợp hành hình phạt chung của cả hai tội là từ 33 đến 39 tháng tù, tổng hợp với hình phạt 17 ngày tù (chuyển đổi từ hình phạt cải tạo không giam giữ chưa chấp hành) tại Bản án số 16 ngày 14/4/2022, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là từ 33 tháng 17 ngày đến 39 tháng 17 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/4/2023.

- Điểm d khoản 2 Điều 341; khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56; điểm a, b khoản 1 Điều 55; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt: Hoàng Anh T từ 24 đến 27 tháng tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", từ 06 đến 09 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội là từ 30 đến 36 tháng tù, tổng hợp với hình phạt 16 ngày tù (chuyển đổi từ hình phạt cải tạo không giam giữ chưa chấp hành) tại Bản án số 16 ngày 14/4/2022, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản là từ 30 tháng 16 ngày đến 36 tháng 16 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/4/2023.

- Khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt: Chu Bá C1 từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về xử lý vật chứng: đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước 03 điện thoại di động sử dụng vào việc phạm tội, tịch thu tiêu huỷ 03 thẻ sim gắn trong các điện thoại bị tịch thu. Trả lại cho chị Lưu Thị O 01 xe mô tô BKS 14L1-193.27 và 01 chứng nhận đăng ký xe. Trả lại các giấy tờ cá nhân cho một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Về biện pháp tư pháp: đề nghị truy thu của bị cáo C1 số tiền 418.613.151 đồng, của chị Nghiêm Thị T2 số tiền 20.000.000 đồng, anh Phạm Văn T3 4.000.000 đồng, anh Hoàng Văn T4 6.000.000 đồng, anh Lê Văn D 9.000.000 đồng, anh Phạm Quốc Đ 10.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa cơ bản rõ ràng, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: ngày 30/9/2022, Phạm Minh Chiến có hành vi cung cấp thông tin, thuê làm giả 01 giấy chứng nhận đăng ký xe môtô số 14002852, rồi dùng thủ đoạn gian dối sử dụng giấy tờ giả mang đi cầm cố để chiếm đoạt số tiền 7.900.000 đồng của anh Chu Bá C1. Khoảng đầu tháng 02 năm 2023, Phạm Minh Chiến tiếp tục cùng Hoàng Anh Tuấn cung cấp thông tin, thuê làm giả 01 giấy chứng nhận đăng ký xe môtô số14023097, đến ngày 09/02/2023 Tuấn dùng thủ đoạn gian dối sử dụng giấy tờ xe giả mang đi cầm cố chiếm đoạt số 15.000.000 đồng của anh Chu Bá C1.

Đối với Chu Bá C1: từ tháng 6/2022 đến tháng 02/2023, tại khu Ghềnh Võ, thị trấn Quảng Hà, huyện Hải Hà, Chu Bá C1 đã cho Trần Văn C2, Nghiêm Thị T2, Trần Văn L, Đỗ Duy L1, Vũ Văn L , Nguyễn Văn M, Nguyễn Xuân V, Nguyễn Văn H,Vũ Thị N, Đặng Văn K, Hoàng Hồng D1, Phạm Văn T3, Hoàng Văn T4, Lê Văn D, Bùi Quốc Đ, Phạm Quốc Đ, Hoàng Văn M vay tổng số tiền 607.000.000 đồng với mức lãi suất từ 109,5% đến 255,5%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự từ 5,475 lần – 12,775 lần, thu lợi bất chính tổng số tiền là 113.459.658 đồng.

Do đó, hành vi của bị cáo Phạm Minh C đã đủ yếu tố cấu thành tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 341 và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự, bị cáo Hoàng Anh T đã phạm vào tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự, hành vi của Chu Bá C1 đã phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Do đó, cáo trạng số 16/CT-VKSHH ngày 15/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà truy tố đối với Phạm Minh C, Hoàng Anh T và Chu Bá C1 là đúng người, đúng tội, lời luận tội có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hải Hà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố

tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan tổ chức của Phạm Minh C và Hoàng Anh T đã xâm phạm trực tiếp đến hoạt động bình thường, đúng đắn của các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực đăng ký xe mô tô, xe gắn máy, hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của C và T xâm phạm đến tài sản của người khác, còn hành vi cho vay lãi nặng của Chu Bá Công trực tiếp xâm phạm đến hoạt động cho vay trong giao dịch dân sự được pháp luật hình sự bảo vệ. C và T đang trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tại Bản án số 16 ngày 14/4/2022 nhưng không có ý thức tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tiếp tục phạm tội mới, hơn nữa lại phạm 02 tội mới. Riêng bị cáo C1 đã lợi dụng hoàn cảnh khó khăn về kinh tế của người khác để cho vay tiền thu lãi cao trái pháp luật nhằm mục đích trục lợi. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong khoảng thời gian dài và đối với nhiều người, số tiền thu lời bất chính lớn. Hành vi của các bị cáo đã ảnh hưởng xấu tới tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do vậy cần thiết phải xử lý nghiêm để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về vai trò trong vụ án: hành vi làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng giấy tờ, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức của Phạm Minh C và Hoàng Anh T có tính chất đồng phạm. Bởi lẽ khi biết C biết chỗ thuê làm 01 giấy đăng ký xe giả thì T đã nhờ C tìm người làm giả giấy đăng ký xe giúp T, C giúp sức cho T thực hiện tội phạm. Đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của C1, hai bị cáo không có sự bàn bạc, thống nhất, C khi làm giấy đăng ký xe giả giúp T không biết mục đích của T cũng mang đi cầm cố để lừa đảo, hai bị cáo thực hiện hành vi phạm tội độc lập với nhau nên không có tính chất đồng phạm. Đối với Chu Bá Công phải chịu tránh nhiệm độc lập về hành vi cho vay lãi nặng của mình.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo trong giai đoạn điều tra và tại phiên toà đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo C1 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và sau khi phạm tội ra đầu thú nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà, bị cáo C1 xin giảm nhẹ hình phạt cho C và T nên hai bị cáo này được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo Phạm Minh C và Hoàng Anh T phạm tội khi đang chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tại Bản án số 16 ngày 14/4/2022 của Toà án nhân dân huyện Hải Hà. Do đó lần phạm tội này các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt đối với bị cáo: bị cáo Phạm Minh C và Hoàng Anh T thực hiện hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức, đồng thời sử dụng tài liệu giả đó lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Do đó cần có hình phạt nghiêm

khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và cải tạo các bị cáo. Do các bị cáo C và T phạm tội trong thời gian đang chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ nên theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự, bị cáo C và T bị buộc phải chấp hành hình phạt của bản án này tổng hợp với hình phạt chưa chấp hành của bản án số 16/2022/HSST ngày 14/4/2022. Tại bản án số 16, bị cáo C bị tuyên phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ từ ngày 30/5/2022 đến ngày 07/4/2023 (ngày bị giữ khẩn cấp đối với tội mới), đã chấp hành được 10 tháng 07 ngày cải tạo không giam giữ, còn 01 tháng 23 ngày chưa chấp hành, chuyển đổi bằng 17 ngày tù (03 ngày cải tạo không giam giữ = 01 ngày tù); bị cáo T bị tuyên phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo đã chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ từ ngày 25/5/2022 đến ngày 07/4/2023 (ngày bị giữ khẩn cấp đối với tội mới), đã chấp hành được 10 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ, còn 01 tháng 18 ngày chưa chấp hành, chuyển đổi bằng 16 ngày tù.

Đối với bị cáo Chu Bá C1 có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội ra đầu thú, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vợ bị cáo mới sinh con nhỏ được hơn 02 tháng tuổi, hiện bị cáo đang là lao động chính trong gia đình để nuôi 03 con nhỏ, hoàn cảnh gia đình khó khăn, Hội đồng xét xử thấy, không cần thiết cách ly khỏi đời sống xã hội mà cho cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục thành công dân có ích.

Đối với Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú và Quyết định tạm hoãn xuất cảnh đang áp dụng đối với bị cáo C1 đến ngày xét xử sơ thẩm đã hết thời hạn nên không cần thiết phải hủy bỏ.

[8] Về vật chứng vụ án: quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hải Hà đã thu giữ:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone màu đỏ, bên trong gắn 01 sim có số thuê bao là 0966.779.338 của Phạm Minh C, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh - tím, bên trong gắn 01 sim có số thuê bao là 0395.259.652 của Hoàng Anh T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone, màu xanh, bên trong gắn 01 sim có số thuê bao là 0869.868.236 của Chu Bá C1 đều sử dụng vào việc liên lạc phạm tội nên tịch thu sung ngân sách nhà nước. Đối với 03 thẻ sim gắn trong các điện thoại nói trên không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu huỷ.

- Đối với 01 xe môtô nhãn hiệu Honda BKS 14L1 - 193.27 và 01 đăng ký xe mang tên Phạm Minh C, Hội đồng xét xử nhận định, tại phiên toà chị Lưu Thị O là mẹ đẻ của bị cáo C có lời khai cho biết chiếc xe nói trên do chị bỏ tiền ra mua từ năm 2022, dùng làm phương tiện cho gia đình đi lại, nhờ C đứng tên chủ sở hữu vì C là thanh niên tiện cho việc lưu thông xe còn bản thân C không có việc làm, không có thu nhập nên không có tiền mua xe. Quá trình C sử dụng xe mang đi làm giấy đăng ký giả rồi lừa đảo chiếm đoạt tiền của C1, gia đình không ai biết. Hội đồng xét xử thấy cần thiết trả lại chiếc xe trên cho chị Lưu Thị O là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với các giấy tờ cá nhân của những người vay tiền C1 (gồm: giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy mang tên Lê Văn D, Hoàng Thị Thúy, Lý A Diễng và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Xuân V) lưu trong hồ sơ vụ án là các giấy tờ cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho chủ sở hữu. Các hợp đồng mua bán xe, thuê xe và sổ ghi các thông tin liên quan đến việc cho vay của C1 lưu trong hồ sơ vụ án nên không đề cập.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với hành vi phạm tội của Phạm Minh C và Hoàng Anh T: C và T làm giả giấy đăng ký xe lừa đảo chiếm đoạt của C1 số tiền 7.900.000 đồng và 15.000.000 đồng. Tại phiên toà, C1 không yêu cầu C và T phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt của C1, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Đối với hành vi phạm tội của Chu Bá C1: căn cứ vào lời khai của bị cáo và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù khoản tiền bị cáo Chu Bá C1 cho 17 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vay là 607.000.000đ, nhưng thực tế số tiền gốc C1 quay vòng sử dụng vào việc cho vay lãi nặng là 457.200.000đ, trong đó có 49.000.000 đồng những người vay là chị Thảo, anh Toàn, anh Đạt, anh Trung, anh Dũng chưa trả C1 nên cần truy thu số tiền C1 dùng để cho vay là 408.200.000 đồng và tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của người vay là 10.413.151 đồng. Vì vậy, tổng số tiền truy thu của C1 là 418.613.151 đồng. Đối với những người vay tiền của C1 chưa trả lại tiền gốc gồm: Nghiêm Thị T2 số tiền 20.000.000 đồng, Phạm Văn T3 4.000.000 đồng, Hoàng Văn T4 6.000.000 đồng, Lê Văn D 9.000.000 đồng, Phạm Quốc Đ 10.000.000 đồng, cần truy thu sung vào ngân sách nhà nước.

Chu Bá C1 cho vay với mức lãi suất vượt quá mức quy định của pháp luật để thu lợi bất chính số tiền 113.459.658 đồng, tuy nhiên do một số người vay còn nợ chưa trả hết lãi nên tổng số tiền thực tế bị cáo đã thu lợi bất chính là 101.317.899 đồng, là khoản tiền bị cáo chiếm đoạt bất hợp pháp, nên cần buộc bị cáo có nghĩa vụ hoàn trả số tiền này cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên, các anh, chị Trần Văn C2, Trần Văn L, Đỗ Duy L1, Vũ Văn L Lâm, Nguyễn Văn M, Nguyễn Xuân V, Nguyễn Văn H, Vũ Thị N, Đặng Văn K, Hoàng Hồng D1, Bùi Quốc Đ, Hoàng Văn M không yêu cầu bị cáo T hoàn trả lại lại số tiền đã thu lời bất chính này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Đối với người đàn ông được Chiến thuê làm giả giấy tờ, quá trình điều tra không xác định được lai lịch, địa chỉ nên không có căn cứ xử lý. Đối với việc Chu Bá C1 cho Phạm Minh Chiến vay 10.000.000 đồng, cho Hoàng Anh Tuấn vay 15.000.000 đồng nhưng do bị Chiến, Tuấn lừa đảo chiếm đoạt nên không đề cập xử lý đối với hành vi này của C1.

[11] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại các khoản 5 Điều 174, khoản 4 Điều 341 và khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt

tiền. Tuy nhiên xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[12] Các bị cáo, bị hại người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

[13] Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điểm b, c, d khoản 2 Điều 341; khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56; điểm a, b khoản 1 Điều 55; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với Phạm Minh C.

- Điểm d khoản 2 Điều 341; khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56; điểm a, b khoản 1 Điều 55; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với Hoàng Anh T.

- Khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với Chu Bá C1.

Tuyên bố: bị cáo Phạm Minh C phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Bị cáo Hoàng Anh T phạm tội ""Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Bị cáo Chu Bá C1 phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Xử phạt:

1. Phạm Minh C 27 (hai mươi bảy) tháng tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", 06 (sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 33 tháng tù, tổng hợp với hình phạt 01 tháng 23 ngày cải tạo không giam giữ (bằng 17 ngày tù) chưa chấp hành tại Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2022/HS-ST ngày 14/4/2022 của Toà án nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh, tổng cộng buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 33 (ba mươi ba) tháng 17 (mười bảy) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bị giữ 07/4/2023.

2. Hoàng Anh T 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", 06 (sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 30 (ba mươi) tháng tù, tổng hợp với hình phạt 01 tháng 18 ngày cải tạo không giam giữ (bằng 16 ngày tù) chưa chấp hành tại Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2022/HS-ST ngày 14/4/2022 của Toà án nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh, tổng cộng buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 30 (ba mươi) tháng 16 (mười sáu) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bị giữ 07/4/2023.

3. Chu Bá C1 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Chu Bá C1 cho Ủy ban nhân dân phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Chu Bá C1 có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone màu đỏ, bên trong gắn 01 sim có số thuê bao là 0966.779.338 của Phạm Minh C, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh - tím, bên trong gắn 01 sim có số thuê bao là 0395.259.652 của Hoàng Anh T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone, màu xanh, bên trong gắn 01 sim có số thuê bao là 0869.868.236.

- Tịch thu tiêu hủy 03 thẻ sim gắn trong các điện thoại iPhone màu đỏ, điện thoại OPPO màu xanh – tím và điện thoại iPhone màu xanh.

- Trả lại cho chị Lưu Thị O, sinh năm 1985, địa chỉ: thôn A, xã M, huyện H, tỉnh Quảng Ninh 01 (một) xe môtô nhãn hiệu Honda BKS 14L1 - 193.27 và 01 chứng nhận đăng ký xe mang tên Phạm Minh Chiến.

(Các vật chứng trên tình trạng như tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 22/CCTHADS ngày 16/6/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hải Hà và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hà).

- Trả lại cho: anh Hoàng Văn T4, sinh năm 2004, địa chỉ: thôn A, xã L, huyện H, tỉnh Quảng Ninh 01 (một) căn cước công dân mang tên Hoàng Văn T4 và 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 015532 cấp cho xe mô tô BKS 14L1-162.58 mang tên Hoàng Thị Thuý; anh Nguyễn Xuân V, sinh năm 1989, địa chỉ: khu H, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Xuân V và 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 005677 cấp cho xe mô tô BKS 14M1-064.95 mang tên Lý A Diễng; anh Lê Văn D, sinh năm 2002, địa chỉ: thôn B, xã C, huyện H, tỉnh Quảng Ninh 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 002875 cấp cho xe mô tô BKS 14L1-195.29 mang tên Lê Văn D (lưu tại hồ sơ vụ án).

Về biện pháp tư pháp: áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

- Truy thu của bị cáo Chu Bá Công số tiền 418.613.151 (bốn trăm mười tám triệu sáu trăm mười ba nghìn một trăm năm mươi mốt) đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

- Truy thu của chị Nghiêm Thị T2, sinh năm 2000, địa chỉ: thôn G, xã P, huyện H, tỉnh Quảng Ninh số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, anh Phạm Văn T3, sinh năm 2000, địa chỉ: khu Đ, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng, anh Hoàng Văn T4, sinh năm 2004, địa chỉ: thôn A, xã L, huyện H, tỉnh Quảng Ninh số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng, anh Lê Văn D, sinh năm 2002, địa chỉ: thôn B, xã C, huyện H, tỉnh Quảng Ninh số tiền 9.000.000 (chín triệu) đồng, anh Phạm Quốc Đ, sinh năm 1996, địa chỉ: khu L, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về chế độ thu, miễn, giảm, thu nộp và quản lý án phí, lệ phí Toà án: mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

Về quyền kháng cáo: áp dụng khoản 1, 4 Điều 331; khoản 1, 3 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi thường trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Hải Hà;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Hải Hà;
- Cơ quan hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát Công an huyện Hải Hà;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Hải Hà;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hà;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Thị Thanh